

BIỂU PHÍ CHUẨN DỊCH VỤ THANH TOÁN & TÀI KHOẢN

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN

Hiệu lực: Ngày 27 Tháng 04 Năm 2022

1. DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN	
1.1 Mở tài khoản	Miễn Phí
1.2 Số dư trung bình tối thiểu hàng tháng	
• Tài Khoản VND	VND 40,000,000
• Tài Khoản USD	USD 2,000
• Tài Khoản SGD	SGD 2,500
• Tài Khoản EUR	EUR 2,000
• Tài Khoản JPY	JPY 800,000
• Tài Khoản THB	THB 200,000
• Tài Khoản HKD	HKD 60,000
1.3 Phí dịch vụ hàng tháng nếu số dư trung bình tối thiểu hàng tháng thấp hơn quy định	
• Tài Khoản VND	VND 1,200,000
• Tài Khoản USD	USD 60 hoặc số tiền VND tương đương
• Tài Khoản SGD	SGD 60 hoặc số tiền VND tương đương
• Tài Khoản EUR	EUR 60 hoặc số tiền VND tương đương
• Tài Khoản JPY	JPY 6,000 hoặc số tiền VND tương đương
• Tài Khoản THB	THB 1,800 hoặc số tiền VND tương đương
• Tài Khoản HKD	HKD 480 hoặc số tiền VND tương đương
1.4 Phí đóng tài khoản trong vòng 12 tháng	VND 800,000 / tài khoản
1.5 Chi thị thanh toán định kỳ	VND 100,000 / đăng ký
1.6 Xác nhận số dư	VND 100,000
1.7 Phí xác nhận kiểm toán	VND 200,000 / lần yêu cầu
1.8 Chi phí yêu cầu cấp lại chứng từ	VND 50,000 / giao dịch cho các giao dịch trong 3 tháng VND 150,000 / giao dịch cho các giao dịch trong 3 tháng
1.9 Xác nhận khác	VND 200,000 / lần yêu cầu & phí gửi thư (nếu có)
1.10 Phát hành thêm sao kê tài khoản	VND 50,000 / tài khoản / tháng
1.11 Phí duy trì dịch vụ eAlert hàng tháng – Dịch vụ thông báo số dư	VND 100,000 / tài khoản / số điện thoại / tháng
1.12 Phí duy trì dịch vụ eAlert hàng tháng – Dịch vụ thông báo ghi nợ/ghi có	VND 100,000 / tài khoản / số điện thoại / tháng
2. DỊCH VỤ SÉC	
Nhờ thu Séc nước ngoài (chỉ cung cấp dịch vụ nhờ thu đối với Séc được phát hành bởi UOB Singapore)	
• Có tài khoản tại UOB Việt Nam	0.1% (tối thiểu VND 100,000 – tối đa VND 2,000,000) & phí gửi thư & phí ngân hàng khác (nếu có)
3. ATM	
3.1 Tra cứu số dư	VND 3,300
3.2 Rút tiền	VND 3,300
3.3 Đổi mã pin	Miễn Phí
3.4 Cấp lại mã pin	VND 100,000
3.5 Cấp lại thẻ	VND 100,000
4. KÊNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	
4.1 Ngân hàng trực tuyến	
• Phí cài đặt	Miễn Phí (bao gồm 2 thiết bị bảo mật)
• Phí duy trì hàng tháng	Miễn phí
• Thêm thiết bị bảo mật/ thay thế thiết bị bảo mật bị mất	VND 330,000 hoặc số tiền ngoại tệ tương đương
• Thay thế thiết bị bảo mật bị lỗi	Miễn phí (thiết bị lỗi phải gửi lại ngân hàng)
• Phí gửi thiết bị bảo mật ra nước ngoài	VND 1,000,000/ lần gửi thư
4.2 ĐIỆN SWIFT MT940/942/950	
• Phí cài đặt	Miễn phí
• Phí duy trì hàng tháng	VND 1,000,000 / Tài Khoản
4.3 SWIFTCORE/ FILE ACT/ RFTS	Theo thỏa thuận
5. NỘP TIỀN MẶT	
5.1 Tại quầy giao dịch UOB Việt Nam	
• Bảng VND	Miễn phí
• Bảng USD	Miễn phí
5.2 Tại quầy giao dịch ngân hàng đối tác UOB Việt Nam	
• Bảng VND	0.03% (tối thiểu VND 10,000)
5.3 Thu tiền mặt tại địa điểm chi định	Theo thỏa thuận

6. RÚT TIỀN MẶT	
6.1 Tại quầy giao dịch UOB Việt Nam	
• Bảng VND	Miễn phí
• Bảng USD	0.2% (tối thiểu USD 2)
6.2 Tại quầy giao dịch ngân hàng đối tác UOB Việt Nam	
• Bảng VND	0.03% (tối thiểu VND 10,000)
6.3 Giao tiền mặt tại địa điểm chỉ định	
	Theo thỏa thuận
7. GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN	
7.1 Nhận tiền về	
• Tiền về trong nước	Miễn phí
• Tiền về nước ngoài	
o Có tài khoản tại UOB Việt Nam	0,1% (tối thiểu VND 100,000 – tối đa VND 2,000,000)
7.2 Chuyển tiền đi trong nước	
7.2.1 Chuyển tiền nội bộ	
▪ Lệnh giấy	Miễn phí
▪ Kênh giao dịch điện tử	Miễn phí
7.2.2 Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	
o Chuyển tiền bằng ngoại tệ	
▪ Lệnh giấy	VND 200,000
▪ Kênh giao dịch điện tử	VND 100,000
o Chuyển tiền có giá trị cao bằng tiền Đồng (>= VND500,000,000)	
▪ Lệnh giấy	0.05% (tối đa VND 1,000,000)
▪ Kênh giao dịch điện tử	0.03% (tối đa VND 500,000)
o Chuyển tiền có giá trị thấp bằng tiền Đồng (< VND500,000,000)	
▪ Lệnh giấy	VND 50,000
▪ Kênh giao dịch điện tử	VND 25,000
o Chuyển tiền nhanh bằng tiền Đồng (<= VND300,000,000)	
▪ Kênh giao dịch điện tử	VND 8,000
7.2.3 Chuyển tiền theo Danh Sách (Một Lệnh Ghi Nợ - Nhiều Lệnh Ghi Có)	
o Bảng ngoại tệ	
▪ Chuyển tiền nội bộ	Miễn phí
▪ Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	Tính theo biểu phí chuyển tiền bằng ngoại tệ
o Bảng VND	
▪ Chuyển tiền nội bộ	Miễn phí
▪ Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	Tính theo biểu phí chuyển tiền có giá trị thấp bằng tiền Đồng & chuyển tiền có giá trị cao bằng tiền Đồng
7.2.4 Chỉnh sửa/ Hủy/ Tra soát lệnh chuyển tiền	
	VND 25,000 & phí ngân hàng khác (nếu có)
7.3 Chuyển tiền đi nước ngoài	
7.3.1 Phí chuyển tiền	
▪ Lệnh giấy	0.2% (tối thiểu VND 400,000 – tối đa VND 3,000,000) + Điện phí + phí ngân hàng khác (nếu có)
▪ Kênh giao dịch điện tử	0.15% (tối thiểu VND 300,000 – tối đa VND 2,000,000) + Điện phí + phí ngân hàng khác (nếu có)
7.3.2 Chỉnh sửa/ Hủy/ Tra soát lệnh chuyển tiền/ Thực hiện lại lệnh chuyển tiền	
	USD 10 + Điện phí + phí ngân hàng khác (nếu có)
7.3.3 Điện phí	
	VND 250,000

GHI CHÚ

- Những nội dung thuộc biểu phí này có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước đến Khách hàng. Ngân hàng UOB Việt Nam sẽ thực hiện thông báo công khai trên website và niêm yết tại quầy giao dịch.
- Biểu phí không bao gồm hoa hồng và các khoản chi phí khác phát sinh do bên thứ ba.
- Những phí khác chưa được quy định trong Biểu phí này sẽ được Ngân hàng UOB Việt Nam thu của Khách hàng theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Tất cả các khoản phí trong biểu phí này chưa bao gồm VAT 10% (trừ khi có quy định cụ thể khác).
- Giảm phí:
 - Nhằm hỗ trợ Quý Khách hàng trong thời gian xây ra dịch Covid 19, Ngân hàng UOB Việt Nam sẽ thực hiện giảm phí đối với các giao dịch sau:
 - Loại giao dịch: Giao dịch chuyển tiền Việt Nam đồng đến các ngân hàng khác ở Việt Nam (mục 7.2.2 Biểu phí này).
 - Thời gian áp dụng: Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến khi có thông báo mới.
 - Hình thức gửi giao dịch: Lệnh giấy hoặc Kênh giao dịch điện tử.
 - Mức giảm:
 - Đối với giao dịch chuyển tiền có giá trị cao bằng Việt Nam Đồng (>= VND 500,000,000): giảm mức phí tương đương 0.01% số tiền chuyển (tối thiểu VND 2,000, tối đa VND 50,000).
 - Đối với giao dịch chuyển tiền có giá trị thấp bằng Việt Nam Đồng (<VND 500,000,000): giảm mức phí là VND 1,000.
- Khoản phí thực thu cho các khoản thanh toán bằng ngoại tệ có thể có chênh lệch so với tính toán của quý khách. Ngân hàng sẽ luôn cố gắng làm tròn con số nhỏ hơn để khoản phí thực thu thấp hơn so với con số tính toán, theo quy định nội bộ của Ngân hàng.